TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Vân.

2. Ông Đặng Văn Ẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 456/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992. (Vắng mặt – có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Vũ Minh H, sinh năm 1991. (Vắng mặt – có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được – nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Bà và ông H do quen biết thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí

Minh vào ngày 18/11/2011. Sau khi cưới, vợ chồng bà sinh sống ở Phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2021, vợ chồng bà chuyển về sinh sống ở xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai bên sống hạnh phúc được đến năm 2021, sau đó đến khoảng cuối năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do ông H hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, ông H không có trách nhiệm với gia đình, với con cái. Bà đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông H không thay đổi. Đến tháng 02/2024, vợ chồng bà sống ly thân với nhau, trong thời gian ly thân thì ông H không có gửi tiền để phụ bà nuôi con.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bà có 03 con chung tên Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022; Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, giới tính nam, sinh ngày 05/11/2011. Hiện nay các con đang sống chung với bà.

Tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Nay bà không còn tình cảm với ông H nữa.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Vũ Minh H.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022, Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, sinh ngày 05/11/2011, giới tính nam. Bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 trẻ Anh Khoa, Thành Đ và Minh H1, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác nhận không có.

Nghề nghiệp cùa bà là nhân viên bán đồ ăn và làm bán thời gian, thu nhập khoảng 11.000.000 (mười một triệu) đồng/tháng, bà đủ điều kiện nuôi con.

Bản chính giấy chứng nhận kết hôn bà bị thất lạc.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 6 năm 2025, bị đơn ông Phạm Vũ Minh H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, thống nhất có 03 con chung tên Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022, Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, sinh ngày 05/11/2011, giới tính nam. Trước yêu cầu ly hôn của bà T, thì ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông đồng ý giao 03 con chung tên Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022; Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, giới tính nam, sinh ngày 05/11/2011 cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu T nộp đơn xin ly hôn đối với ông Phạm Vũ Minh H. Ông Phạm Vũ Minh H cư trú tại huyện B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu T, ông Phạm Vũ Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T với ông Phạm Vũ Minh H vào ngày 18/11/2011 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu T với ông Phạm Vũ Minh H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại các Điều 9, 10, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà T thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H hay nhậu nhẹt, không lo làm ăn, ông H không có trách nhiệm với gia đình, với con cái, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Như vậy, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Đồng thời ông Phạm Vũ Minh H cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T vì tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn như bà T trình bày. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Phạm Vũ Minh H.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H có 03 con chung tên Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022; Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, giới tính nam, sinh ngày 05/11/2011. Ông Phạm Vũ Minh H đồng ý giao 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời ý kiến của trẻ Phạm Minh H1, Phạm Thành Đ có nguyện vọng sống chung với bà Nguyễn Thị Thu T.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022; Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, giới tính nam, sinh ngày 05/11/2011 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu ông Phạm Vũ Minh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T đối với ông Phạm Vũ Minh H.

Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với ông Phạm Vũ Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 132 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H vào ngày 18/11/2011 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H có 03 con chung tên Phạm Anh K, giới tính nam, sinh ngày 18/3/2022; Phạm Thành Đ, giới tính nam, sinh ngày 14/4/2017 và Phạm Minh H1, giới tính nam, sinh ngày 05/11/2011. Bà Nguyễn Thị Thu T được quyền tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 trẻ Phạm Anh K, Phạm Thành Đ và Phạm Minh H1.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu ông Phạm Vũ Minh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Vũ Minh H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Vũ Minh H xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu số 0051724 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trang và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ vụ án.



Phạm Thị Kim Định